

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 8 năm 2020

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Long, ông Nguyễn Văn Lam

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà, thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Ngày 28 tháng 8 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 55/2020/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc: *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn Ea B, xã Cư K, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Trần Hữu C (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Ea B, xã Cư K, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị T (Chị T) trình bày:

Chị và anh Trần Hữu C (Anh C) là vợ chồng và có 03 con chung. Trong quá trình chung sống, anh chị có quá nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị và anh C đã sống ly thân nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh C. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Hữu C (Anh C) trình bày:

Anh và chị T là vợ chồng và có 03 con chung như chị T trình bày. Do mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con chung cho chị T nuôi dưỡng tới tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết thì anh cũng đồng ý và không có ý kiến gì.

Tại các bản tự khai, cháu Trần Thị H (Cháu H) và cháu Trần Thị H (Cháu H) trình bày: Sau khi ba mẹ các cháu ly hôn thì các cháu có nguyện ở với mẹ, không yêu cầu ba cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Chị T và anh C là vợ chồng (Có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật). Trong quá trình chung sống, anh chị có 03 con chung. Hiện nay, anh chị không còn sống chung với nhau. Chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

+ Chị T làm đơn và có nộp tiền tạm ứng án phí. Anh C có nơi cư trú ở thôn Ea B, xã Cư K, huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Krông N, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào các Điều 35; 39; khoản 3 Điều 195 của BLTTDS để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng anh C không đến Tòa để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, thì HĐXX xét thấy:

+ Về quan hệ hôn nhân: Trong thời kỳ hôn nhân, anh C và chị T phát sinh mâu thuẫn dẫn đến anh chị đã sống ly thân. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và được anh C đồng ý nên HĐXX chấp nhận, cho chị T ly hôn với anh C.

+ Về con chung: Anh C và chị T có 03 con chung. Hiện nay, các con chung đang ở với chị T. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành, anh C cũng đồng ý. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các bên đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của con nên HĐXX chấp nhận, giao các cháu H, H, Q cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (Trên 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về án phí: Vì đây là vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu, thì chị T vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) đối với vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000đ.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51; 65; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị T về việc yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị T ly hôn với anh Trần Hữu C.

+ Về con chung: Giao cháu Trần Thị H, sinh ngày 22 tháng 01 năm 2007, cháu Trần Thị H, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2009 và cháu Trần Hữu Minh Q, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2018 cho chị Trương Thị T nuôi dưỡng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh C có quyền, nghĩa vụ chăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C.

2. Về án phí: Chị Trương Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí DSST. Được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi thành án dân sự huyện Krông Năng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/ 0002913 ngày 24 tháng 02 năm 2020.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng ;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

ĐỖ VĂN DŨNG

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC THÀNH VIÊN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

+ Do chị Nết có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án, nên chị Nết phải chịu án phí DSST như trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch là 300.000đ.

Như vậy chị nết phải chịu 600.000đ (300.000đ + 300.000đ) tiền án phí DSST.